



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG



PHẠM HÀ AN - C01028

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN NGẮN
HẠN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP THÀNH PHÁT**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ

**CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
MÃ SỐ: 8340201**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TRẦN THỊ THÙY LINH

Hà Nội - Năm 2019

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để tiến hành hoạt động kinh doanh, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần phải có tài sản. Tài sản là tiền đề cần thiết cho việc hình thành và phát triển sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Vì thế, nhiệm vụ đặt ra cho các nhà quản trị doanh nghiệp là phải sử dụng tài sản một cách có hiệu quả. Sử dụng tài sản có hiệu quả có nghĩa là làm cho tài sản được đưa vào sử dụng hợp lý để kiếm lợi cao nhất, đồng thời luôn tìm các nguồn tài trợ, tăng tài sản hiện có để mở rộng sản xuất kinh doanh cả về chất và lượng, đảm bảo mục tiêu mà các doanh nghiệp đề ra. Quản lý và sử dụng tài sản có hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp khẳng định vị trí vững chắc của mình trên thị trường. Trong thời kỳ kinh tế mở cửa và hội nhập như hiện nay các doanh nghiệp đang đứng trước những cơ hội và thách thức không nhỏ. Doanh nghiệp có thể nắm bắt được nhiều cơ hội tốt như vay từ các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài, tiếp cận công nghệ hiện đại, trình độ tiên tiến... nhưng cũng phải đối mặt với những thách thức không nhỏ như cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực tài chính hùng mạnh, trang bị cơ sở vật chất và máy móc hiện đại. Vấn đề đặt ra không chỉ là tồn tại mà còn phát triển. Phát triển trong sự cạnh tranh gay gắt. Nhiều doanh nghiệp có thể tồn tại được song hiệu quả hoạt động kinh doanh chưa cao. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do sự yếu kém trong việc quản lý và sử dụng tài sản. Vấn đề đặt ra là doanh nghiệp cần có biện pháp gì để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản?

Trong thời gian qua, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát đã có nhiều cố gắng trong việc sử dụng tài sản ngắn hạn một cách hiệu quả hơn nhưng kết quả cho thấy việc sử dụng tài sản ngắn hạn còn có nhiều điểm chưa hợp lý dẫn đến hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn còn chưa cao. Từ thực tế trên cùng với những kiến thức đã được học tại trường và quá trình tìm hiểu tình hình thực tế tại Công ty, đề tài “Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát” được lựa chọn làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của tôi.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Mục đích nghiên cứu: đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát. Từ đó đánh giá những kết quả hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.

- Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu về hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.

- *Về không gian:* Luận án nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.

- *Về thời gian:* Luận án nghiên cứu tình hình sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát trong giai đoạn 2016-2018.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp duy vật lịch sử và duy vật biện chứng được vận dụng xuyên suốt cả quá trình nghiên cứu trên cơ sở kết hợp hệ thống hóa lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và khảo sát, phân tích thực trạng sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, tham vấn ý kiến chuyên gia, v.v... Trong quá trình nghiên cứu tác giả thu thập các số liệu thứ cấp có liên quan đến đề tài và tiến hành phân tích, so sánh các vấn đề trong mối tương quan với nhau; đồng thời có sự đánh giá tổng hợp và tham vấn ý kiến chuyên gia về vấn đề nghiên cứu, rút ra kết luận và đề xuất giải pháp.

5. Quy trình nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Dữ liệu thứ cấp: Các tài liệu của Công ty như báo cáo tài chính các năm 2016, 2017, 2018 và các tài liệu liên quan khác.
- Dữ liệu sơ cấp: Tiến hành phỏng vấn sâu:
 - + Đối tượng phỏng vấn: đội ngũ lãnh đạo của Công ty gồm 4 người: Nguyễn Thành Phát: Giám đốc
Nguyễn Thanh Bình: Phó Giám đốc
Trịnh Ngọc Minh: Phó Giám đốc
Phan Thị Vui: Phụ trách phòng Tài chính – Kế toán
 - + Nội dung phỏng vấn: Thực tế quá trình sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty; những mong đợi của Công ty về hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn; định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới (cụ thể đến năm 2024).
 - + Phương pháp phỏng vấn: phỏng vấn trực tiếp.

5.2. Phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu

- Dữ liệu thứ cấp: Dùng phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp
- Dữ liệu sơ cấp: Dùng phương pháp tổng hợp

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Ý nghĩa khoa học: Thông qua hệ thống hóa cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn, phân tích thực trạng, xây dựng các luận cứ khoa học và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.
- Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của đề tài luận văn là tài liệu có giá trị tham khảo cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.

7. Kết cấu của khóa luận

Nội dung của Luận văn ngoài phần mở đầu và kết luận bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát giai đoạn 2016 - 2018.

Chương 3: Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN NGẮN HẠN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề cơ bản về tài sản ngắn hạn

1.1.1. *Khái niệm tài sản ngắn hạn*

Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp là những tài sản thuộc quyền sở hữu và quản lý của doanh nghiệp, có thời gian sử dụng, luân chuyển, thu hồi vốn trong một chu kỳ kinh doanh hoặc trong một năm. Tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp có thể tồn tại dưới hình thái tiền, hiện vật (vật tư hàng hóa), dưới dạng đầu tư ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

1.1.2. *Phân loại tài sản ngắn hạn*

Trong quá trình quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và quản lý tài chính nói riêng, tùy theo yêu cầu quản lý và dựa trên tính chất vận động của tài sản ngắn hạn, người ta có thể phân loại tài sản ngắn hạn như sau:

- Phân loại dựa trên các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, TSNH gồm TSNH trong khâu dự trữ, TSNH trong khâu sản xuất, TSNH trong khâu lưu thông
- Phân loại dựa trên các khoản mục trên bảng cân đối kế toán, TSNH gồm: Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn khác.
- Phân loại theo hình thái biểu hiện của tài sản ngắn hạn: TSNH gồm tài sản bằng tiền và tài sản bằng vật tư, hàng hóa.

1.2. Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp

1.2.1. *Khái niệm hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp*

Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp để đạt kết quả cao nhất với chi phí thấp nhất, hay nói cách khác hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn là sự so sánh giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả ấy.

1.2.2. *Sự cần thiết nâng cao hiệu quả sử dụng TSNH trong doanh nghiệp*

- Xuất phát từ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp

- Xuất phát từ vai trò quan trọng của tài sản ngắn hạn
- Xuất phát từ ý nghĩa của việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn
- Xuất phát từ thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại các doanh nghiệp

1.2.3. Một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Phân tích quy mô và cơ cấu TSNH trong doanh nghiệp

Phân tích quy mô tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp được thực hiện bằng cách tính ra sự thay đổi (chênh lệch) tổng lượng tài sản ngắn hạn biến động giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc về giá trị tuyệt đối và tương đối. Sự thay đổi của TSNH qua các năm được xác định như sau:

$$\text{Chênh lệch tuyệt đối TSNH} = \text{TSNH kỳ phân tích} - \text{TSNH kỳ gốc}$$

$$\text{Chênh lệch tương đối TSNH} = \frac{\text{TSNH kỳ phân tích} - \text{TSNH kỳ gốc}}{\text{TSNH kỳ gốc}} \times 100\%$$

Phương pháp phân tích: Phân tích quy mô tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp sử dụng phương pháp phân tích tỷ lệ bằng cách tính ra giá trị chênh lệch tuyệt đối và tương đối giữa các kì. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp

Để đánh giá khách quan hiệu quả sử dụng TSNH chúng ta có thể sử dụng nhiều chỉ tiêu khác nhau như sau:

1.2.3.2. Thời gian luân chuyển tài sản ngắn hạn

a. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán

$$\text{Khả năng thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng TSNH}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tổng TSNH} - \text{Giá trị hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

b. Vốn lưu động ròng

Vốn lưu động ròng = Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn

Nhu cầu VLĐR = Hàng tồn kho + Nợ phải thu – Nợ ngắn hạn

c. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSNH chung

Doanh thu thuần

Hiệu suất sử dụng TSNH =

- Mức tiết kiệm tài sản ngắn hạn do tăng tốc độ luân chuyển

$$VTKTĐ = \frac{M_0}{L_1} - \frac{M_0}{L_0}$$

$$VTKTĐ_{gĐ} = \frac{M_1}{L_1} - \frac{M_1}{L_0}$$

$$\text{Suất hao phí TSNH} = \frac{\text{TSNH}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời của TSNH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế Tổng}}{\text{tài sản ngắn hạn}} \times 100\%$$

Để phân tích tỷ suất sinh lời của TSNH, ta có thể xác định các nhân tố ảnh hưởng theo phương pháp Dupont như sau:

$$\text{Tỷ suất sinh lời của TSNH} = \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{TSNH}}$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời TSNH} = \frac{\text{Tỷ suất sinh lời của doanh thu thuần}}{\text{Vòng quay TSNH}} \times \text{Vòng quay TSNH}$$

d. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSNH thành phần

- Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho}}$$

$$\text{Thời gian luân chuyển HTK} = \frac{360}{\text{Vòng quay HTK}}$$

$$\text{Suất hao phí của hàng tồn kho} = \frac{\text{Hàng tồn kho Doanh thu thuần}}{\text{Lợi nhuận sau thuế Hàng tồn kho}}$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời của hàng tồn kho} =$$

- Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển các khoản phải thu

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Phải thu khách hàng}}$$

$$\text{Thời gian thu tiền trung bình} = \frac{360}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

$$\text{Suất hao phí của các khoản phải thu} = \frac{\text{Các khoản phải thu Doanh thu thuần}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}}$$

$$\text{Tỷ suất sinh lời của các khoản phải thu} = \frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Lợi nhuận sau thuế}}$$

Khả năng thanh
toán nhanh =

$$\text{Thời gian luân chuyển TSNH} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{360 \times \text{Hiệu suất sử dụng TSNH}}$$

Thời gian quay vòng của tiền = Thời gian lưu kho+ Thời gian thu nợ
trung bình – Thời gian trả nợ

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp

1.2.4.1. Các nhân tố chủ quan

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh

- Cơ sở vật chất của doanh nghiệp

- Trình độ cán bộ công nhân viên

1.2.4.2. Các nhân tố khách quan

- Môi trường kinh tế
- Môi trường chính trị, pháp luật
- Khoa học - công nghệ:
- Điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng:
- Đối thủ cạnh tranh
- Người cung ứng

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Những vấn đề lý luận của chương 1 đi sâu vào nghiên cứu khái niệm, đặc điểm vai trò, cách thức phân loại, biện pháp quản lý tài sản ngắn hạn cùng với các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp. Đồng thời còn phân tích những nhân tố khách quan và chủ quan mà doanh nghiệp phải đối mặt trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Đây là căn cứ để từ đó phân tích, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát ở chương 2.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN NGÂN HẠN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP THÀNH PHÁT GIAI ĐOẠN 2016 - 2018

2.1. Giới thiệu tổng quan về Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty*

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát được thành lập ngày 07/01/2011. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, tín hiệu giao thông, chiếu sáng tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp, dân dụng, thương mại và dịch vụ đã được các chủ đầu tư đánh giá cao.

2.1.2. *Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát*

2.1.3. *Khái quát về ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát*

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát đang tham gia kinh doanh trong các lĩnh vực:

- Buôn bán tư liệu sản xuất và tiêu dùng, chủ yếu là sắt thép, vật liệu xây dựng và các loại máy móc, thiết bị: máy trộn xi măng, máy khoan, cắt bê tông....
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2.1.4. *Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát giai đoạn 2016- 2018*

2.1.4.1. *Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát giai đoạn 2016-2018*

Bảng 2.1. Báo cáo KQKD của Công ty giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch năm 2017/2016		Chênh lệch năm 2018/2017	
				Tuyệt đối (VNĐ)	Tương đối (%)	Tuyệt đối (VNĐ)	Tương đối (%)
DT bán hàng	16.506	42.032	67.982	25.527	154,66	25.949	61,74
Các khoản giảm trừ DT	0	0	0	0		0	
DT thuần	16.506	42.032	67.982	25.527	154,66	25.949	61,74
GVHB	13.343	39.596	63.207	26.253	196,76	23.612	59,63
LN gộp	3.163	2.437	4.774	(726)	(22,95)	2.337	95,91
DT hoạt động TC	6	48	23	42	765,42	(25)	(51,75)
CP tài chính	0	0	0	0		0	
CP quản lý	1.552	2.176	4.557	624	40,22	2.381	109,44
LN thuần	1.617	309	241	(1.308)	(80,88)	(69)	(22,20)
Thu nhập khác	9	0.00249	0.00001	(9.31)	(99,97)	(0.002)	(99,60)
Chi phí khác	24	30	7	5	22,03	(22)	(75,10)
Lợi nhuận khác	(15)	(30)	(7)	(15)	96,96	22	(75,10)
LN kế toán trước thuế	1.602	279	233	(1.322)	(82,56)	(46)	(16,54)
CP thuế TNDN	78	143	79	65	83,33	(64)	(44,76)
LN sau thuế	1.602	201	90	(1.401)	(87,48)	(111)	(55,14)

(Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2016 – 2018)

Giai đoạn từ năm 2016 – 2018, với nhiều biến động khó khăn của thị trường, nhưng Công ty vẫn kinh doanh có lãi, phản ánh qua lợi nhuận sau thuế của Công ty. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong giai đoạn này có sự giảm xuống qua các năm. Có thể thấy ảnh hưởng của doanh thu đến lợi nhuận của Công ty quá thấp, mặc dù doanh thu thuần hàng năm liên tục tăng nhanh hàng năm nhưng lợi nhuận sau thuế lại có xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào lợi nhuận từ hoạt động khác.

2.1.4.2. Tình hình tài sản - nguồn vốn của Công ty

Bảng 2.2. Bảng tài sản - nguồn vốn của Công ty giai đoạn 2016 – 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch năm 2017/2016		Chênh lệch năm 2018/2017	
				Tuyệt đối (VNĐ)	Tương đối (%)	Tuyệt đối (VNĐ)	Tương đối (%)
TÀI SẢN	9.900	18.585	22.853	8.685	87,73	4.268	22,97
A. TSNH	9.410	17.427	21.296	8.017	85,19	3.869	22,2
B. TSDH	489	1.158	1.557	669	136,59	399	34,47
NGUỒN VỐN	9.900	18.585	22.853	8.685	87,73	4.268	22,97
A. Nợ phải trả	11.691	13.173	17.364	1.481	12,67	4.192	31,82
B. VCSH	(1.792)	5.412	5.489	7.204	(402,11)	77	1,42

(Nguồn: Số liệu từ bảng cân đối kế toán)

Dựa vào bảng 2.2, có thể thấy quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty đang được mở rộng. TSNH luôn chiếm tỷ trọng cao so với tổng tài sản của Công ty.

2.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng TSNH tại Công ty

2.2.1. Thực trạng quy mô và cơ cấu tài sản ngắn hạn

Bảng 2.3. Quy mô tài sản ngắn hạn của Công ty giai đoạn 2016 – 2018

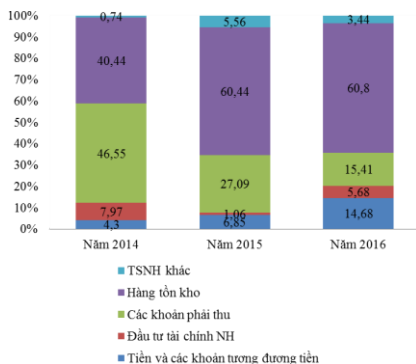
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017			Năm 2018		
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch so với 2016 (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch so với 2017 (%)
TSNH	9.410	100	17.427	100	85,19	21.296	100	22,20
1. Tiền	405	4,30	1.194	6,85	194,91	3.127	14,68	161,95
2. Đầu tư TCNH	750	7,97	185	1,06	(75,33)	1.210	5,68	554,05
3. Các khoản phải thu	4.381	46,55	4.720	27,09	7,76	3.281	15,41	(30,49)
- Phải thu KH	2.166	23,02	4.016	23,05	85,38	2.349	11,03	(41,52)
- Trả trước cho người bán	2.214	23,53	704	4,04	(68,20)	652	3,06	(7,37)
- Các khoản phải thu khác	-	0,00	-	0,00		280	1,32	
4. Hàng tồn kho	3.806	40,44	10.533	60,44	176,79	12.949	60,80	22,93
5. TSNH khác	69	0,74	795	4,56	1.046,40	729	3,43	(8,20)
- Thuế GTGT được khấu trừ	52	0,55	551	3,16	969,21	614	2,88	11,49
- TSNH khác	10	0,11	221	1,27	2.017,16	115	0,54	(48,02)

(Nguồn: Số liệu được lấy từ bảng cân đối kế toán)

Biểu đồ 2.1. Cơ cấu TSNH của Công ty giai đoạn 2016-2018

Đơn vị tính: %



(Nguồn: Số liệu được lấy từ bảng cơ cấu tài sản ngắn hạn)

Nhìn vào bảng 2.3, có thể thấy quy mô tài sản ngắn hạn tăng dần qua các năm.

Bảng 2.4. Cơ cấu tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền mặt	367	90,72	506	42,40	72	2,31
Tiền gửi ngân hàng	38	9,28	688	57,60	3.055	97,69
Các khoản tương đương tiền	0		0		0	
Tổng cộng	405	100%	1.194	100%	3.127	100%

(Nguồn: Số liệu được tính từ bảng cân đối kế toán)

Bảng 2.5. Cơ cấu các khoản phải thu giai đoạn 2016-2018

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Phải thu khách hàng	2.166	49,46	4.016	85,08	2.349	71,58
Trả trước cho người bán	2.214	50,54	704	14,92	652	19,88
Các khoản phải thu khác	-		-		280	8,54
Dự phòng giảm giá khoản phải thu	-		-		-	
Tổng cộng	4.381	100	4.720	100	3.281	100

(Nguồn: Số liệu từ báo cáo tài chính)

Dựa vào bảng 2.3 có thể thấy các khoản phải thu khách hàng luôn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng các khoản phải thu.

Cơ cấu hàng tồn kho:

Bảng 2.6. Cơ cấu hàng tồn kho giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nguyên, vật liệu	374	9,82	3.685	34,98	21	0,16
Chi phí SXKD dở dang	2.552	67,06	6.571	62,38	12.928	99,84
Hàng hóa	880	23,12	277	2,64	0	-
Tổng cộng	3.806	100	10.533	100	12.949	100

(Nguồn: Số liệu được tính từ bảng cân đối kế toán)

2.2.2. *Thực trạng sử dụng tài sản ngắn hạn tại công ty*

2.2.2.1. *Thực trạng sử dụng tiền*

Hiện nay, Công ty không xây dựng mô hình khoa học để xác định mức dự trữ tiền mặt tối ưu cho Công ty mà công ty đang quản lý tiền dựa trên kinh nghiệm và xác định dự trữ tiền mang tính ước lượng, phụ thuộc vào lượng công trình thi công, công ty chưa xác định được lượng tiền cần dự trữ.

2.2.2.2. *Thực trạng sử dụng hàng tồn kho*

Hiện tại công ty không áp dụng mô hình tồn sử dụng hàng tồn kho mà chỉ sử dụng và quản lý dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh. Hàng tồn kho tại công ty tăng giảm phụ thuộc vào lượng công trình, sau khi tính toán khối lượng công trình, Công ty sẽ dự trữ lượng nguyên vật liệu và tiến hành mua nhập kho.

2.2.2.3. *Thực trạng sử dụng các khoản phải thu*

Hiện nay, công ty đang *sử dụng chính sách nới lỏng tín dụng* cho khách hàng nhằm tạo dựng mối quan hệ và tìm kiếm thêm khách hàng cho Công ty. Phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

2.2.2.4. *Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán*

Bảng 2.7. Chỉ tiêu thể hiện khả năng thanh toán năm 2016 - 2018

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch 2017/2016	Chênh lệch 2018/2017
Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	6,31	2,92	2,17	(3,39)	(0,75)
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	3,76	1,15	0,85	(2,60)	(0,30)
Khả năng thanh toán tức thời (lần)	0,27	0,20	0,32	(0,07)	0,12

(Nguồn: Số liệu được tính trên bảng cân đối kế toán)

Khả năng thanh toán của công ty chưa ổn định, có xu hướng giảm qua các năm nhưng đều lớn hơn 1 có thể tạm thời giảm bớt được rủi ro thanh toán. So sánh khả năng thanh toán của công ty với chỉ số ngành xây dựng ta thấy được khả năng thanh toán nhanh của công ty tốt hơn so với khả năng thanh toán nhanh của ngành.

2.2.2.5. Vốn lưu động ròng

Bảng 2.8. Vốn lưu động ròng năm 2016–2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch 2017/2016	Chênh lệch 2018/2017
VLĐR	7,919	11,454	11,498	3.535	44
Nhu cầu VLĐR	4,481	8,577	5,499	4.096	(3,078)

(Nguồn: Số liệu được tính trên bảng cân đối kế toán)

Vốn lưu động ròng > 0 , tài sản ngắn hạn $>$ nợ ngắn hạn, điều này cho thấy tài sản ngắn hạn được tài trợ bởi nợ ngắn hạn và một phần của nguồn dài hạn, do đó Công ty có cân bằng tài chính an toàn.

2.2.2.6. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSNH chung

Bảng 2.9. Bảng đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch 2017/2016 (%)	Chênh lệch 2018/2017 (%)
Hiệu suất sử dụng TSNH (lần)	1,75	2,41	3,2	0,66	0,79
Thời gian luân chuyển TSNH (ngày)	208	151	114	(56,76)	(37,00)
Suất hao phí của TSNH (lần)	0,57	0,41	0,31	(0,16)	(0,10)
Tỷ suất sinh lời của TSNH (%)	0,113	0,012	0,004	(0,101)	(0,01)

(Nguồn: Số liệu tính toán trên bảng cân đối kế toán)

Hiệu suất sử dụng TSNH có xu hướng tăng lên qua các năm. Điều này cho thấy TSNH vận động ngày càng nhanh, hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn tăng.

Suất hao phí của tài sản ngắn hạn có xu hướng giảm xuống, tuy nhiên mức giảm không lớn và không ổn định cho thấy mức độ sử dụng vốn cho tài sản ngắn hạn còn chưa thực sự hiệu quả.

Tỷ suất sinh lời của TSNH đang ở mức thấp chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của công ty chưa cao. Mà tài sản ngắn hạn lại chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản của công ty. Vì vậy công ty cần đưa ra các phương án cải thiện việc sử dụng tài sản ngắn hạn.

Mức tiết kiệm tài sản ngắn hạn:

Bảng 2.10. Mức tiết kiệm (lãng phí) TSNH giai đoạn 2016 -2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Mức tiết kiệm tuyệt đối	(6.578)	(6.964)
Mức tiết kiệm tương đối	(2.583)	(4.306)

(Nguồn: Số liệu được tính trên bảng cân đối kế toán)

2.2.2.7. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSNH thành phần

a. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng hàng tồn kho

Bảng 2.11. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng hàng tồn kho giai đoạn 2016 - 2018

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch 2017/2016 (%)	Chênh lệch 2018/2017 (%)
Vòng quay HTK (vòng)	3,51	3,76	4,88	0,25	1,12
Thời gian luân chuyển HTK (ngày)	104,10	97,10	74,77	(7,00)	(22,33)
Suất hao phí HTK (lần)	0,23	0,25	0,19	0,02	(0,06)
Tỷ suất sinh lời HTK (%)	0,28	0,02	0,01	(0,26)	(0,01)

(Nguồn: Số liệu được tính toán từ bảng cân đối kế toán)

b. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng các khoản phải thu

Bảng 2.12. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng các khoản phải thu năm 2016-2018

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch 2017/2016 (%)	Chênh lệch 2018/2017 (%)
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	3,77	8,90	20,72	5,14	11,82
Thời gian thu tiền (ngày)	96,87	40,99	17,62	(55,88)	(23,37)
Suất hao phí các khoản phải thu (lần)	0,27	0,11	0,05	(0,15)	(0,06)
Tỷ suất sinh lời các khoản phải thu (%)	0,24	0,04	0,03	(0,20)	(0,01)

(Nguồn: Số liệu được tính trên bảng cân đối kế toán)

Thời gian thu nợ của công ty trong giai đoạn 2016 - 2018 có xu hướng giảm xuống chứng tỏ công tác thu hồi nợ của Công ty tốt.

Tỷ suất sinh lời của các khoản phải thu giai đoạn 2016-2018 thấp, 1 đồng đầu tư cho các khoản phải thu chỉ tạo ra được ít đồng lợi nhuận.

Bảng 2.13. Thời gian quay vòng tiền giai đoạn 2016-2018

DVT: ngày

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thời gian quay vòng HTK	104,10	97,10	74,77
Thời gian thu tiền trung bình	96,87	40,99	17,62
Thời gian trả nợ trung bình	9,96	3,83	22,62
Thời gian quay vòng tiền	191,02	134,26	69,77

(Nguồn: Số liệu được tính trên bảng cân đối kế toán)

Thời gian quay vòng tiền của Công ty trong những năm qua ở mức thấp cho thấy khả năng thu hồi tiền của Công ty là tốt.

2.2.3. **Ứng dụng phân tích Dupont để phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn**

Bảng 2.14. Bảng tác động của tỷ suất sinh lời và số vòng quay TSNH

DVT: %

	Năm 2016 - 2017	Năm 2017 - 2018
Tác động của (1) lên tỷ suất sinh lời của tài sản ngắn hạn	(0,1614)	(0,0084)
Tác động của của (2) lên số vòng quay của tài sản ngắn hạn	0,0642	0,00374

(Nguồn: Số liệu được tính toán trên bảng cân đối kế toán)

Nhìn vào sự ảnh hưởng của các nhân tố trên ta thấy được cả 2 yếu tố đều làm giảm tỷ suất sinh lời của tài sản ngắn hạn. Vì vậy, công ty muốn nâng cao chỉ tiêu này thì công ty cần áp dụng tốt và hợp lý cả 2 chính sách trên bằng cách tăng khả năng bán hàng để tăng doanh thu đồng thời cắt giảm chi phí nhằm tăng lợi nhuận ròng.

2.3. Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của công ty

2.3.1. Kết quả đạt được

Về tình hình quản lý tài sản – nguồn vốn, có thể thấy quy mô tài sản và nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng lên.

Cơ cấu tài sản ngắn hạn khá hợp lý và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.

Khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty luôn lớn hơn hoặc xấp xỉ 1 là cơ sở đảm bảo cho tình hình thanh toán của Công ty lành mạnh.

Số vòng quay hàng tồn kho có xu hướng tăng cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho nhanh, rút ngắn thời gian nguyên vật liệu tồn kho trong kho, nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho.

Trong 3 năm, các chỉ tiêu về tình hình các khoản phải thu tăng giảm theo đúng với chính sách quản lý các khoản phải thu tại Công ty.

Thời gian luân chuyển tiền trung bình giảm chứng tỏ Công ty nhanh thu hồi được tiền mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.3.2. **Hạn chế**

Lợi nhuận có xu hướng giảm xuống qua các năm điều này ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết cấu tài sản ngắn hạn của công ty chưa hợp lý, cụ thể là hàng tồn kho và các khoản phải thu khá cao trong tổng tài sản ngắn hạn.

Lượng hàng tồn kho quá nhiều dẫn đến sự gia tăng của các khoản chi phí như bảo quản, lưu kho, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Công ty quản lý nợ theo chính sách thận trọng nên việc dùng nguồn vốn dài hạn để đầu tư cho tài sản cũng có những hạn chế.

Khi cấp tín dụng cho khách hàng, công ty phân tích năng lực khách hàng còn nhiều hạn chế/

Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty chưa cao, tỷ suất sinh lời của tài sản ngắn hạn rất thấp do nhiều nguyên nhân:

Khoản phải thu của công ty là khoản tiền bị các khách hàng chiếm dụng, không mang lại khả năng sinh lời cho công ty, do đó, khoản phải thu tăng quá cao cũng khiến cho hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tăng chậm hơn.

Công tác quản lý chi phí kém hiệu quả, đặc biệt là chi phí giá vốn hàng bán, chi phí quản lý tăng mạnh và nhanh hơn doanh thu khiến cho lợi nhuận sau thuế thu được rất nhỏ và chênh lệch rất lớn so với doanh thu.

2.3.3. **Nguyên nhân của hạn chế**

2.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Công tác quản lý, dự trù chi phí của Công ty chưa tốt.

Công ty chưa xây dựng phương pháp dự trữ tiền tối ưu, mức chi và thu của công ty theo kế hoạch không sát với thực tế.

Công tác tổ chức quản lý mang tính khoa học chưa cao làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn.

Về việc phân tích năng lực khách hàng: Do các nguồn thông tin phân tích không trung thực dẫn tới việc đánh giá còn hạn chế.

2.3.3.2. Nguyên nhân khách quan

Trong giai đoạn này trên thị trường xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh có vốn đầu tư nước ngoài... Những công ty này có nguồn vốn

tốt

nên đưa ra nhiều chính sách thu hút khách hàng như lãi suất chiết khấu cao, thời gian thu tiền chậm,... vì thế Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát có nguy cơ bị mất thị phần.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 là chương quan trọng nhất của bài khóa luận. Dựa trên cơ sở chương 1, chương 2 tiến hành phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát. Cụ thể: phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thực trạng quản lý tài sản ngắn hạn và đánh giá thông qua các chỉ tiêu, từ đó thấy được những thành quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý tài sản ngắn hạn. Những hạn chế mà công ty gặp phải sẽ là cơ sở cho những giải pháp trình bày trong chương 3 của luận văn.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN NGẮN HẠN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP THÀNH PHÁT

3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát giai đoạn 2019-2022

Không ngừng cải tiến quy trình kỹ thuật, nâng cao chất lượng công trình và hạng mục công trình nhằm thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Tập trung những lợi thế do khách hàng mang lại để mở rộng quan hệ bạn hàng, đặc biệt chú trọng những bạn hàng lớn, ổn định nguồn nguyên, nhiên vật liệu.

Khai thác tối đa nguồn nhân lực hiện có đồng thời có những chính sách khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả hơn nữa.

Tích cực tìm kiếm các hợp đồng mới nhằm mở rộng hơn nữa việc sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng.

3.2. Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Thành Phát

3.2.1. Áp dụng mô hình điểm tín dụng 3C trong quản lý khoản phải thu

3.2.2. Xây dựng mô hình quản lý tiền mặt

3.2.3. Quản lý hàng tồn kho

3.2.4. Một số giải pháp khác

3.2.4.1. Giảm thiểu chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh

3.2.4.2. Hoàn thiện chính sách bán hàng

3.2.4.3. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Căn cứ vào quá trình nghiên cứu thực trạng hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Thành Phát đã được trình bày ở chương 2 khóa luận, chương 3 đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế đã được nêu ở chương 2, giúp công ty nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn. Giải pháp được hình thành từ ý kiến chủ quan và sự tìm hiểu một số mô hình hiện đang được áp dụng trong các doanh nghiệp trên thế giới nên tôi hy vọng những đóng góp trên có thể hữu ích cho công ty trong quá trình sử dụng tài sản ngắn hạn có hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Việc sử dụng có hiệu quả tài sản ngắn hạn là một vấn đề mang tính cấp bách, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện nền kinh tế đất nước còn đang phát triển. Việc quản lý sử dụng tài sản ngắn hạn hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả không chỉ là góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận, tăng khả năng tích lũy, tăng khả năng thanh khoản, giúp doanh nghiệp phát triển...mà còn góp phần đóng góp được nhiều nhất vào sự phát triển chung của đất nước, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân.

Trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát đã được nhiều khách hàng trong và ngoài tỉnh tín nhiệm. Công ty đã rất chủ động tích cực trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn và cũng đã thu đạt được nhiều thành tích. Tuy nhiên, hiệu quả tổ chức và sử dụng tài sản ngắn hạn của công ty vẫn chưa được như mong muốn. Đề tài “Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp Thành Phát” về cơ bản đã đạt được những mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra.

Tuy nhiên đây là đề tài nghiên cứu sâu, rộng và tổng hợp, đề cập đến nhiều vấn đề trong quản lý tài chính. Tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng luận văn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Rất mong nhận được sự tham gia đóng góp của quý thầy cô để nội dung luận văn được hoàn chỉnh hơn.

Trân trọng cảm ơn.